

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 282/2025/HC-PT
Ngày 20 tháng 3 năm 2025
V/v: “*Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất, giải quyết khiếu nại về đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1119/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất, giải quyết khiếu nại về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 26/2024/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 198/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2025/QĐH-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 317/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố A, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Lưu Duy T, sinh năm 1977 (có mặt) (Theo Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2025);

Địa chỉ: Số B Đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Võ Đức T1

là Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P - T.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P - T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoài N - Phó Chủ tịch UBND thành phố P - T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Tô Công T2 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị Mai T3, sinh năm 1971 (có mặt).
2. Bà Phạm Thị Anh T4, sinh năm 1996 (vắng mặt).
3. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1998 (vắng mặt).
4. Ông Phạm Quốc C, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Mai T3, bà Phạm Thị Anh T4, ông Phạm Văn D, ông Phạm Quốc C: Ông Lê Lưu Duy T, sinh năm 1977 (có mặt) (Theo Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2025).

5. Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú hiện nay: Số D V, Khu phố A, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Phạm Văn H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Mai T3, ông Phạm Quốc C, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Anh T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/3/2018, UBND thành phố P - T cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 681074 cho ông Phạm Văn H đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 60 phường M, diện tích 364,5 m², loại đất ở tại đô thị. Trên đất có nhà ở riêng lẻ cấp IV, diện tích sàn 270m². Hộ ông Phạm Văn H gồm ông và vợ là Đỗ Thị Mai T3, các con: Phạm Văn D, Phạm Quốc C, Phạm Thị Anh T4 và chồng T4 là Nguyễn Ngọc V.

Thực hiện Dự án Khu dân cư Bắc đường 16 tháng 4 (tờ Trục D) phường M, ngày 10/11/2023, UBND thành phố P - T ban hành Quyết định số 3217/QĐ-UBND thu hồi 363,3 m² loại đất ở đô thị thuộc thửa số 25 tờ bản đồ số 60 phường M, đồng thời UBND thành phố P - T ban hành Quyết định số 3223/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Phạm Văn H với tổng số tiền là

2.303.270.029 đồng.

Cụ thể: Bồi thường về đất ở là $363,3 \text{ m}^2 \times 1,406 \times 1.300.000 \text{ đồng/m}^2 = 664.039.740 \text{ đồng}$; nhà cửa, vật kiến trúc: 1.619.230.289 đồng. Hỗ trợ chi phí: hỗ trợ di chuyển chỗ ở: 5.000.000 đồng/ hộ và hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong 6 tháng, mỗi tháng 2.500.000 đồng $\times 6 \text{ tháng} = 15.000.000 \text{ đồng}$. Tái định cư 01 lô đất.

Không đồng ý nội dung Quyết định số 3223/QĐ-UBND nói trên, ông H thực hiện khiếu nại lần đầu và được Chủ tịch UBND thành phố P - T xem xét giải quyết tại Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 31/01/2024, với nội dung: *“Không chấp thuận các nội dung khiếu nại của ông Phạm Văn H. Giữ nguyên nội dung Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND thành phố P-T”*.

UBND thành phố đã phê duyệt giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Anh T4 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư B tháng D (trục D), phường M, thành phố P - T tại Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 18/3/2024.

Người khởi kiện là ông Phạm Văn H trình bày:

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất (đối với phần giá đất, tái định cư 01 lô đất, tiền hỗ trợ di chuyển chỗ ở, hỗ trợ tiền thuê nhà).

- Hủy Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H.

Trước khi UBND thành phố ban hành quyết định thu hồi và bồi thường đối với diện tích đất ở đã được cấp GCNQSDĐ cho ông thì Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P- T có gửi cho gia đình bảng tính chi tiết về bồi thường cho gia đình 03 lô đất tái định cư. Tuy nhiên khi UBND thành phố ban hành quyết định thu hồi, bồi thường hỗ trợ và tái định cư thì chỉ giao cho ông một lô đất tái định cư.

Ông đề nghị UBND thành phố giao bổ sung 02 lô đất tái định cư và đề nghị bồi thường giá đất là 7.000.000 đồng, đề nghị tăng tiền hỗ trợ di chuyển chỗ ở, tăng hỗ trợ tiền thuê nhà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện là UBND thành phố P - T và Chủ tịch UBND thành phố P - T trình bày:

1. Về nguồn gốc đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

Hội đồng tư vấn đất đai phường M họp xét ngày 21/6/2023 như sau: Thửa đất bị thu hồi diện tích 363,3 m² tương ứng thửa đất số 101, từ BĐĐC số 60, loại

đất ODT, diện tích 364,5 m² trong GCNQSDĐ được Ủy ban nhân dân thành phố P-T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH 07137; số vào sổ phát hành: cc 681074 cho ông Phạm Văn H (diện tích thực tế sử dụng là 364,8m², tăng 0,3m² so với GCN là do sai số đo đạc).

Thực hiện dự án Khu dân cư B tháng D (trục D) phường M, thành phố P - T, ngày 10/11/2023 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 3217/QĐ-UBND về việc thu hồi 363,3 m² đất do ông Phạm Văn H đang sử dụng tại phường M, thuộc thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 60 và Quyết định số 3223/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn H với tổng số tiền 2.303.270.029 đồng.

2. Kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu:

Sau khi nhận được quyết định thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, ông Phạm Văn H đã khiếu nại.

* Vấn đề giao 03 lô đất tái định cư và 01 lô đất ở theo nhu cầu cho con gái là Phạm Thị Anh T4.

Theo hồ sơ và ông H cung cấp: Con ông là Phạm Thị Anh T4 đã có gia đình cũng ở chung trên thửa đất bị thu hồi (kèm giấy kết hôn và hộ khẩu).

Căn cứ Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư.

b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.

2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cũng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai quy định: “Hỗ trợ tái định

cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển cho ở....”

Đối chiếu quy định trên thì trường hợp của ông Phạm Văn H có thu hồi đất ở, có di chuyển chỗ ở, không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn phường nơi có đất ở thu hồi nên đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao 01 lô đất tái định cư theo quy định (tại Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10/11/2023).

Đối với trường hợp con của ông Phạm Văn H là bà Phạm Thị Anh T4 đang ở cùng chung thửa đất bị thu hồi, nội dung này, UBND thành phố đã phê duyệt giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Anh T4 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư B tháng D (trục D), phường M, thành phố P - T tại Quyết định số 368/QĐ- UBND ngày 18/3/2024.

* Về đề nghị hỗ trợ di chuyển chỗ ở từ 5 triệu đồng nâng lên thành 15 triệu đồng; hỗ trợ tiền thuê nhà ở từ 15 triệu đồng nâng lên thành 30 triệu đồng.

Căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tại Điều 36. Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất:

1. Hỗ trợ di chuyển. Người đang sử dụng nhà ở hợp pháp khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ di chuyển. Đối tượng, mức hỗ trợ và điều kiện được hỗ trợ như sau:

a) Đối tượng. Người có nhà ở hợp pháp, người thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và người thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước.

b) Mức hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi tỉnh cho mỗi hộ bằng 5.000.000 (năm triệu) đồng, di chuyển chỗ ở sang tỉnh khác là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2. Người bị thu hồi đất ở, giải tỏa nhà ở không còn cho ở khác, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới, được bố trí nhà ở tạm không phải trả tiền thuê nhà trong thời hạn không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày được giao đất tái định cư hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở với mức 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng một hộ/tháng, thời gian được hỗ trợ: Kể từ ngày bàn giao nhà, đất bị giải tỏa đến ngày được giao đất tái định cư cộng (+) 06 tháng.

Đối chiếu quy định trên, UBND thành phố đã hỗ trợ đầy đủ cho ông Phạm Văn H tại Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10/11/2023.

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, ngày 31/01/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 626/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phạm Văn H, với nội dung: “*Không chấp thuận các nội dung khiếu nại của ông Phạm Văn H, giữ nguyên Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố*”.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H (lần đầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện là ông Phạm Văn H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Mai T3, ông Phạm Quốc C, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Anh T4 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Ngày 26/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận nhận được đơn kháng cáo bổ sung của ông Phạm Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Lê Lưu Duy T đại diện cho người khởi kiện là ông Phạm Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Đỗ Thị Mai T3, ông Phạm Quốc C, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Anh T4 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Văn H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ án sơ thẩm, hủy một phần Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H (lần đầu) bởi phần đất thu hồi là đất thổ cư, ông H phải được cấp 03 lô đất, cấp 01 lô không đảm bảo quyền lợi của ông H. Bảng giá đất không phù hợp, phải bồi thường theo bảng giá đất được quy định trong Quyết định số 103/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024, đơn giá là 9.110.000 đồng/m², tiền đất là 5.295.460.800 đồng, các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật. Án hành chính của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vào thời điểm gần cập nhật văn bản mới, bản án sơ thẩm chưa thể hiện văn bản này. Ông H khiếu nại liên tục, chưa nhận tiền bồi thường do đó cần áp dụng nội dung trong Quyết định 103/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh N là hoàn toàn có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án, áp dụng Quyết định số 103/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh N cho trường hợp ông H là đúng luật.

Ông Lê Lưu Duy T trình bày: Thống nhất ý kiến của người bảo vệ. Đề nghị Ủy ban xem xét bố trí thêm 03 lô tái định cư, áp dụng khung giá mới cho ông H hưởng theo chính sách hiện hành, đảm bảo quyền lợi của người dân.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Phạm Văn H là người khởi kiện; bà Đỗ Thị Mai T3, ông Phạm Quốc C, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Anh T4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì trường hợp của ông H thu hồi hết đất ở, nhà cấp 4, thu hồi toàn bộ, không còn chỗ ở trên địa bàn cư trú. Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố P - T đã bồi thường, hỗ trợ cho ông H, tái định cư 01 lô đất là có cơ sở. Theo Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, bà T4 có chồng con nên Ủy ban đã ban hành Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Anh T4 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư B tháng D (trục D), phường M, thành phố P - T phù hợp quy định pháp luật. Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H không chấp nhận khiếu nại của ông H là có căn cứ. Ông H di dời chỗ ở được hỗ trợ 5 triệu đồng. Trường Mầm Non do bà T4 đứng tên kinh doanh, không phải ông H nên ông H không được hưởng chuyển đổi nghề. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đúng quy định pháp luật. Thời điểm thu hồi đất, hệ số 1.406, đơn giá 1.300.000 đồng là phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 26 phê duyệt hệ số xác định giá đất cụ thể thuộc dự án Khu dân cư B tháng D (D6-D7). Ông H yêu cầu điều chỉnh hệ số theo giá thị trường không phù hợp. Các đương sự kháng cáo không có tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 16/4/2024, ông Phạm Văn H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất được ban hành ngày 10/11/2023

và Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H. Ông H yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P- T hỗ trợ thêm 2 lô đất tái định cư, tăng tiền bồi thường đất, tăng tiền hỗ trợ di chuyển chỗ ở và tăng hỗ trợ tiền thuê nhà.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện là ông Phạm Văn H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Mai T3, ông Phạm Quốc C, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Anh T4, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định: Đúng quy định pháp luật.

[2.2] Nội dung:

Dự án Khu dân cư B tháng D (trục D) phường M, thành phố P - T thuộc dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Hội đồng nhân dân tỉnh N ban hành Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc phê duyệt Danh mục các dự án phải thu hồi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, trong đó có dự án trên.

Căn cứ Điều 63 Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định thẩm quyền thu hồi đất: Dự án Khu dân cư Bắc đường 16 tháng 4 (từ Trục D) phường M, ngày 10/11/2023, UBND thành phố P - T ban hành Quyết định số 3217/QĐ-UBND thu hồi 363,3 m², loại đất ở đô thị, thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 60 phường M là có căn cứ.

Ngày 10/11/2023, UBND thành phố P - T ban hành Quyết định số 3223/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H với tổng số tiền là 2.303.270.029 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường về đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất và căn cứ Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 quy định giá các loại đất kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, bồi thường đất ở *(vị trí đất ở đường V, từ đường chợ M đến giáp đường N)* và căn cứ Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh N về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư B tháng 4 (từ trục D6-D7) tại phường M, hệ số là 1,406. UBND thành phố P - T bồi thường tiền đất với số tiền 664.039.740 đồng (363,3 m² x hệ số điều chỉnh 1,406 x 1.300.000 đồng/m²) là có cơ sở. Do đó, ông Phạm Văn H đề nghị tăng giá bồi thường về đất là không có căn cứ.

Về hỗ trợ di chuyển và hỗ trợ tiền thuê nhà thì căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận kèm theo Quyết định số 24/2023 Ủy ban nhân dân thành phố P - T đã hỗ trợ cho ông Phạm Văn H tại Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10/11/2023, bao gồm: Hỗ trợ di chuyển chỗ ở: 5.000.000 đồng/ hộ và hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong 6 tháng, mỗi tháng 2.500.000 đồng X 6 tháng = 15.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, yêu cầu của ông H đề nghị tăng tiền hỗ trợ di chuyển chỗ ở và hỗ trợ tiền thuê nhà là không có căn cứ.

Về hỗ trợ đất tái định cư: Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013: “*Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở....*”. Trường hợp của ông Phạm Văn H có thu hồi đất ở, có di chuyển chỗ ở, không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn phường nơi có đất ở thu hồi nên đã được UBND thành phố giao một lô đất tái định cư (tại Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10/11/2023). Bà Phạm Thị Anh T4 đã có gia đình cũng ở chung trên thửa đất bị thu hồi (kèm giấy kết hôn và hộ khẩu) nên căn cứ Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND thành phố đã phê duyệt giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Anh T4 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư B tháng D (trục D), phường M, thành phố P - T tại Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 18/3/2024.

Ông Phạm Văn H cho rằng Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố niêm yết Bảng áp giá chi tiết tạm tính vào ngày 13/02/2023 tại UBND phường M xác định ông được hỗ trợ 3 lô đất tái định cư, nhưng tại Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 ông H chỉ được hỗ trợ một lô đất tái định cư. Tại buổi tiếp công dân định kỳ tháng 3 năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh N đã xác định lỗi thuộc về Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố P - T. Tại buổi tiếp công dân này, lãnh đạo UBND thành phố và lãnh đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã xin lỗi ông H, giao UBND thành phố chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm nghiêm túc đối với tập thể và các cá nhân có liên quan trong việc niêm yết không đúng quy định pháp luật như trên (theo Thông báo số 86/TB-VPUB ngày 03/4/2024 của Văn phòng UBND tỉnh N).

UBND thành phố P - T đã tiến hành tổ chức bốc thăm lô đất cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Anh T4 vào ngày 01/4/2024, ông H và bà T4 được hai lô đất liền kề.

Như vậy, yêu cầu của ông H về việc yêu cầu UBND thành phố P - T hỗ trợ thêm 2 lô đất tái định cư là không có căn cứ.

Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố P - T không chấp thuận khiếu nại của ông Phạm Văn H. Tuy nhiên, sau đó, tại Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 18/3/2024, UBND thành phố đã phê duyệt giao một lô đất ở có thu tiền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Anh T4 khi Nhà nước thu hồi đất. Như vậy, UBND thành phố P - T đã đồng ý hỗ trợ một lô đất ở theo diện nhu cầu cho bà Phạm Thị Anh T4 là phù hợp.

Tại phiên tòa, ông T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H

có đề nghị áp dụng Quyết định số 103/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh N nhưng quyết định nêu trên có hiệu lực kể từ ngày 04/01/2025 và áp dụng đến hết ngày 31/12/2025. Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H đã áp dụng đúng văn bản tại thời điểm ban hành.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định pháp luật. Ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị Mai T3, ông Phạm Quốc C, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Anh T4 kháng cáo không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị Mai T3, ông Phạm Quốc C, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Anh T4, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị Mai T3, ông Phạm Quốc C, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Anh T4 phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 2 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị Mai T3, ông Phạm Quốc C, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Anh T4. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 26/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Chủ

tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H (lần đầu).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phạm Văn H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000081 ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Ông Phạm Văn H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Văn H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000120 ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Bà Đỗ Thị Mai T3 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Văn H đã nộp thay là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000121 ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Ông Phạm Quốc C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Văn H đã nộp thay là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000123 ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Ông Phạm Văn D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Văn H đã nộp thay là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000122 ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Bà Phạm Thị Anh T4 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Văn H đã nộp thay là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000124 ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Dương sự;
- Lưu HSVA (NTCL)(25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương